

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-10-2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Đẹp.

2. Ông Phùng Hiếu Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố S, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24/9/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Chị Lê Thị Diễm P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị P, anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Diễm P trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị P và anh T chung sống vào năm 2017, trước khi chung sống có tìm hiểu khoảng 01 năm, có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, vợ chồng ở riêng nhưng gần nhà cha mẹ anh T, cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nên vợ chồng không

quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường hay gây gỗ, cự cãi, mỗi khi cự cãi anh T đều đánh chị P, mỗi lần anh T đánh chị P bỏ về nhà mẹ ruột ở vài ngày, sau đó anh T hứa sửa đổi nên chị P trở về sống chung, nhưng mỗi lần cự cãi anh T đều đánh chị P. Ngoài ra, anh T và gia đình nhà chồng nghi ngờ chị P mang thai không phải con của anh T. Cuối tháng 01/2018 vợ chồng cự cãi chị P buồn bỏ về mẹ ruột ở huyện V sống và sống ly thân anh T đến nay, anh T không tới lui thăm hỏi vợ, con vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị P và anh T không thể tiếp tục chung sống được nữa. Nay chị P yêu cầu ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với anh T.

- Về con chung: Có 01 con tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện tại đang sống chung với chị P), chị P và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, trước khi sống chung tìm hiểu 06 tháng, khi biết chị P mang thai 02 tháng thì anh T tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký hôn đợi đến khi sinh con xác định có phải con của anh T không mới đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng ở riêng, nhà của cha mẹ anh T cho ở tạm. Khi vợ chồng sống chung thì bất đồng quan điểm sống, cách sống không phù hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, trong lúc cự cãi anh T nóng giận có đánh vào mặt chị P (đánh 01 lần) và chị P đã tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở nhiều lần, không báo cho anh T biết, khi về anh T có góp ý là đi đâu, làm gì phải báo cho anh T biết, nhưng chị P vẫn không sửa đổi. Vì vậy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cuối tháng 01/2018 chị P tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân anh T đến nay. Nay anh T đồng ý ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với chị P.

- Về con chung: Có 01 con tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện tại đang sống chung với chị P), chị P và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Diễm P và anh Trần Minh T.

Về con chung : Có 01 con tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện tại đang sống chung với chị P), chị P và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung : không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy chị P và anh T chung sống vợ chồng từ năm 2017, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. ..” .

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến nay, lẽ ra chị P và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị P và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P, anh T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị P, anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường hay gây gổ, cự cãi, trong lúc nóng giận anh T có đánh chị P. Sau đó, chị P khuyên can và anh T hứa sửa đổi, nhưng anh vẫn không sửa đổi được mỗi khi cự cãi thì anh T lại đánh chị P. Vấn đề này anh T cũng thừa nhận trong lúc cự cãi do nóng giận nên anh T có đánh chị P và anh T cho rằng mỗi khi vợ chồng cự cãi chị P tự ý bỏ về mẹ ruột ở huyện V không cho anh T biết và anh T cũng đã khuyên chị P nhiều lần nhưng chị không sửa đổi. Ngoài ra, anh T và gia đình nhà chồng nghi ngờ chị P mang thai không phải con của anh T. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và cả chị P, anh T đều thống nhất vợ chồng ly thân từ cuối tháng 01/2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị P với anh T không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với

nhau nên chị P yêu cầu ly hôn anh T và anh T cũng đồng ý. Tuy nhiên, do chị P và anh T không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P với anh T.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..”.

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận chị P và anh T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 01 con tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện tại đang sống chung với chị P), chị P và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P nộp toàn bộ án phí dân sự (về hôn nhân) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015
- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Diễm P và anh Trần Minh T.

[2]. Về con chung: Có 01 con tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 11/7/2018 (hiện tại đang sống chung với chị P), chị P và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: không có nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[4]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[5] . Về án phí: Chị Lê Thị Diễm P nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân). Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp ngày 24/9/2018 theo biên lai thu số 0004863 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố S được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPSĐ;
- THA.TP. Sa Đéc;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiều